

NGHIÊN CỨU Đông Nam Á

Số 1
2023
TẠP CHÍ RA 1 THÁNG 1 KỶ

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM - VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÔNG NAM Á

TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. NGUYỄN HUY HOÀNG

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. NGUYỄN NGỌC LAN

THƯ KÝ TÒA SOẠN
ĐỖ HƯƠNG GIANG

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

Chủ tịch
PGS.TS. NGUYỄN HUY HOÀNG

Ủy viên
PGS.TS. NGUYỄN DUY DŨNG
PGS.TS. DƯƠNG VĂN HUY
PGS.TS. NGUYỄN DUY LỢI
PGS.TS. VĂN NGỌC THÀNH
GS.TS. HOÀNG KHẮC NAM
GS.TS. NGUYỄN VĂN KIM
PGS.TSKH. TRẦN KHÁNH
TS. TRƯƠNG DUY HÒA
TS. NGUYỄN NGỌC LAN
TS. VÕ XUÂN VINH
TS. LÊ ĐÌNH TÍNH

Tòa soạn: 176 Thái Hà - Đống Đa - Hà Nội
ĐT: 0243. 6824106
Email: tapchidna@gmail.com

Giấy phép xuất bản số 125/GP-BTTTT
In tại Công ty in Giao thông
- NXB Giao thông vận tải

Giá bán: 35.000 đ

MỤC LỤC

NGUYỄN VĂN TUẤN, TRẦN KHÁNH Bàn về hành động địa chiến lược của Thái Lan từ sau Chiến tranh Lạnh	3
BÙI THỊ THẢO Những bước tiến mới trong hợp tác quốc phòng - an ninh giữa Việt Nam và Hoa Kỳ trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI và triển vọng	14
TRƯƠNG QUANG HOÀN Quan hệ kinh tế Việt Nam - Australia từ năm 2009 đến nay: Thành tựu và hạn chế	24
DƯƠNG HÀ HIẾU Người Pháp và quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa ở nửa đầu thế kỷ XIX	35
NGUYỄN THỊ HỒNG LAM Quan hệ giữa Phật giáo và nền chính trị ở Myanmar	46
TRẦN NGỌC DŨNG Nhìn lại cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam (1978 - 1979)	56
NGUYỄN THẾ TRUNG Quan hệ thương mại giữa vùng Nam Bộ với Đông Nam Á hải đảo và sự tham gia của quan lại nhà Nguyễn trong các hoạt động buôn lậu (1802 - 1858)	65
NGUYỄN HUY HOÀNG Địa vị pháp lý của Cộng đồng người Việt Nam tại Campuchia hiện nay và ứng xử của Campuchia	75

Hoạt động khoa học

* Hội thảo khoa học: “Sự hình thành
của các nhà Đông Nam Á học ở Đông Nam Á”

Điểm sách

* Quan hệ giữa Lào với các nước Tiểu vùng Mekong:
Thực trạng và Những vấn đề đặt ra

NHỮNG BƯỚC TIẾN MỚI TRONG HỢP TÁC QUỐC PHÒNG - AN NINH GIỮA VIỆT NAM VÀ HOA KỲ TRONG HAI THẬP NIÊN ĐẦU THẾ KỶ XXI VÀ TRIỂN VỌNG

BÙI THỊ THẢO*

Tóm tắt: Quốc phòng - an ninh vốn là lĩnh vực đối mặt nhiều trở ngại mang tính lịch sử và phát triển khá muộn so với các lĩnh vực khác trong mối quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ. Tuy nhiên, vì lợi ích chung của hai quốc gia, hai dân tộc, Việt Nam và Hoa Kỳ đã vượt qua những trở ngại khác nghiệt, từng bước kiến tạo, vun đắp mối quan hệ song phương đặc biệt này. Trong các thập niên đầu thế kỷ XXI, nhất là từ thời Tổng thống Barack Obama (2009-2017) đến nay (2022), hai nước không ngừng tăng cường hợp tác sâu, rộng và đạt nhiều bước tiến quan trọng. Bài viết này tập trung phân tích những chuyển biến mới, những động lực và triển vọng của quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ về quốc phòng - an ninh, lĩnh vực có sự phát triển ấn tượng, chứa đựng nhiều ý nghĩa và tác động sâu sắc đối với chính sách đối ngoại mỗi nước, cũng như đối với quan hệ song phương Việt Nam - Hoa Kỳ trong bối cảnh mới.

Từ khóa: Quốc phòng - an ninh, Việt Nam - Hoa Kỳ, bước tiến mới, động lực.

1. Thực trạng hợp tác quốc phòng - an ninh Việt Nam - Hoa Kỳ trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI

1.1. Khái lược tiến trình hợp tác quốc phòng - an ninh Việt Nam - Hoa Kỳ từ khi bình thường hoá quan hệ đến cuối thế kỷ XX

Những liên hệ hợp tác về quốc phòng giữa Việt Nam và Hoa Kỳ được nhen nhóm từ cuối những năm 1970⁽¹⁾ dưới chính

quyền Jimmy Carter, song những nỗ lực ban đầu đã nhanh chóng thất bại do tác động có tính quyết định của nhân tố chủ quan từ cả hai phía⁽²⁾. Kết quả là, đến trước khi bình thường hoá quan hệ giữa hai nước (11/7/1995), hợp tác quốc phòng - an ninh vẫn là một “thực tế băng giá” trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ.

Sau nhiều nỗ lực hoà giải từ hai phía suốt những năm 1989 - 1994⁽³⁾, nhất là sau

* Bùi Thị Thảo, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

bước đột phá trong lĩnh vực chính trị - ngoại giao với việc hai nước bình thường hoá quan hệ, hợp tác quốc phòng - an ninh có cơ hội được tái khởi động. Trên cơ sở nhất trí của lãnh đạo hai nước về việc ưu tiên giải quyết vấn đề “tù binh chiến tranh và người mất tích trong khi làm nhiệm vụ” (POW/MIA) thể hiện trong tuyên bố ngày 11/7/1995 của Tổng thống Bill Clinton⁽⁴⁾, cuộc tiếp xúc đầu tiên giữa các quan chức quân sự - quốc phòng hai nước được tiến hành năm 1996 khi Cố vấn An ninh Quốc gia Hoa Kỳ Anthony Lake thăm Việt Nam, tiếp đến là cuộc hội đàm trực tiếp giữa Đại tướng Võ Nguyên Giáp với cựu Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Mc Namara (1997). Thực tế cho thấy, chính “nỗi đau quá khứ” lại là nhịp cầu hoà giải, hàn gắn giữa hai quốc gia - dân tộc. Hợp tác nhân đạo và giải quyết di sản chiến tranh trở thành nội dung chủ yếu trong hợp tác quốc phòng - an ninh Việt Nam - Hoa Kỳ suốt 5 năm sau đó. Để tạo thuận lợi cho việc triển khai các nội dung hợp tác, năm 1997, Việt Nam và Hoa Kỳ đã thống nhất cơ chế trao đổi thường niên cấp Cục (Cục đối ngoại thuộc Bộ Quốc phòng); hoàn thành trao đổi tùy viên quốc phòng tại mỗi nước⁽³⁾. Từ sau chuyến thăm chính thức đến Mỹ và làm việc với Bộ trưởng Quốc phòng William Cohen của Thứ trưởng Bộ quốc phòng Việt Nam - Trung tướng Trần Hanh (tháng 10/1998), Việt Nam và Hoa Kỳ bắt đầu thúc đẩy tiến trình giải quyết vấn đề POW/MIA. Xung lực hợp tác được tiếp nối bằng chuyến thăm Việt Nam của Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ William Cohen (tháng 3/2000), đặc biệt là của Tổng thống B.Clinton (tháng 7/2000). Tuy thế, nội dung hợp tác quốc phòng - an ninh trong giai đoạn này chủ yếu trong khuôn khổ chương trình nhân đạo và giải quyết hậu quả chiến tranh. Kết quả hợp tác quốc phòng - an ninh những

năm 1995 - 2000 chưa thật đáng kể, phản ánh bước đi tuần tự tất yếu, cần trọng để xây dựng nền móng bước đầu, song đã mang hai dân tộc đến gần nhau, hiểu biết lẫn nhau, cùng những kết quả hợp tác trên nhiều lĩnh vực khác, tạo đòn bẩy quan trọng cho chuyển động có tính đột phá của quan hệ quốc phòng - an ninh song phương từ đầu thế kỷ XXI.

1.2. Những bước tiến mới trong hợp tác quốc phòng - an ninh Việt Nam - Hoa Kỳ hai thập niên đầu thế kỷ XXI

Nếu trong thập niên thứ nhất của thế kỷ XXI, Việt Nam và Hoa Kỳ từng bước định hướng, tiếp tục xây dựng những khuôn khổ hợp tác phù hợp, đặt cơ sở pháp lý vững chắc cho việc phát triển quan hệ song phương toàn diện, lâu dài thì thập niên thứ hai đánh dấu những chuyển động mạnh mẽ trong hợp tác thực tế. Theo đó, lĩnh vực quốc phòng - an ninh là một trong những nội dung có chuyển biến mới, đột phá, nhất là về phương diện hợp tác đa phương.

1.2.1. Trên phương diện hợp tác song phương

Dưới thời Tổng thống G.W.Bush (2001 - 2009)

Kế thừa kết quả đạt được dưới thời Tổng thống Bill Clinton (1993 - 2000), hợp tác quốc phòng - an ninh Việt Nam - Hoa Kỳ dưới thời Tổng thống G.W.Bush từng bước được mở rộng. Lần đầu tiên, Chiến lược An ninh quốc gia của chính quyền Tổng thống G.W.Bush (tháng 6/2002) xác định Việt Nam là “đối tác liên minh” của Hoa Kỳ trong cuộc chiến chống khủng bố toàn châu Á. Năm 2005, hai nước thiết lập cơ chế Đối thoại quốc phòng song phương (do Bộ Tư lệnh Thái Bình Dương Hoa Kỳ chủ trì). Theo đó, bên cạnh việc tăng cường hiện diện, đối thoại về chính sách quốc phòng -

an ninh thông qua các hội đàm, chuyên thăm cấp cao, Việt Nam và Hoa Kỳ thúc đẩy các nội dung hợp tác *mở rộng ra ngoài khuôn khổ giải quyết di sản chiến tranh*. Hoa Kỳ đề nghị Việt Nam tham dự các hội thảo khu vực và quốc tế về chống khủng bố và tội phạm xuyên quốc gia (năm 2002); cử tàu hải quân thăm thiện chí Việt Nam (2003), mở đầu cho hoạt động giao lưu của chiến hạm Mỹ với hải quân Việt Nam; bắt đầu cung cấp tài chính quân sự (FMF) cho Việt Nam (năm 2009)... Phía Việt Nam cử nhiều sĩ quan tham gia chương trình hợp tác đào tạo IMET (từ 2006); cho phép tàu khảo sát hải dương USNS Bruce C.Heezen tham gia hoạt động tìm kiếm MIA trên biển (tháng 6/2009)⁽⁶⁾.

Dưới thời Tổng thống Barack Obama (2009 - 2017)

Đây là giai đoạn đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong tiến trình phát triển của quan hệ song phương Việt Nam - Hoa Kỳ khi hai nước nâng cấp quan hệ lên tầm Đối tác toàn diện (tháng 7/2013). Theo đó, hợp tác song phương được triển khai mạnh mẽ đồng thời trên nhiều lĩnh vực. Trong đó, quốc phòng - an ninh là lĩnh vực hợp tác thể hiện sự phát triển bứt phá của mối quan hệ này.

Ngay từ đầu nhiệm kỳ, với việc triển khai chiến lược “Xoay trục sang châu Á”, chính quyền B. Obama đã nhanh chóng chú trọng hợp tác an ninh tại Đông Nam Á, nơi được xem là trọng tâm để Mỹ “tái cân bằng” một cách toàn diện. Từ năm 2010, Việt Nam và Hoa Kỳ đã đạt được cơ chế Đối thoại chiến lược quốc phòng cấp thứ trưởng. Hoa Kỳ trở thành đối tác cường quốc đầu tiên xác lập khuôn khổ hợp tác thường niên với Việt Nam dành riêng cho lĩnh vực quốc phòng - an ninh. Năm 2013, sau khi Đối thoại chiến lược quốc phòng lần thứ 3 (tháng 1/2013) đạt được thỏa thuận

tăng cường hợp tác trên nhiều lĩnh vực mới (đào tạo nhân lực, tham gia gìn giữ hoà bình Liên hợp quốc, hợp tác quân y, tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ thảm hoạ...), Hoa Kỳ bắt đầu bán một số thiết bị quân sự cho Việt Nam, trong đó có 6 tàu tuần tra siêu tốc. Hoa Kỳ ký Hiệp định hợp tác tuần tra ven biển (tháng 10/2013) và cam kết hỗ trợ Việt Nam huấn luyện năng lực tuần tra cho lực lượng này. Quan trọng hơn, từ tháng 5-2016, Tổng thống B.Obama chính thức tuyên bố dỡ bỏ lệnh cấm vận vũ khí sát thương đối với Việt Nam, mở ra một môi trường hợp tác mới, thực chất và linh hoạt, đáp ứng nhu cầu hiện đại hoá năng lực quốc phòng của Việt Nam và chiến lược thúc đẩy hợp tác an ninh với các đối tác mới của Mỹ tại Đông Á.

Hai nước cũng bước đầu triển khai nhiều dự án hợp tác về lĩnh vực an ninh phi truyền thống, như: chống biến đổi khí hậu, giảm khí thải gây hiệu ứng nhà kính (năm 2010); dự án Rừng và đồng bằng Việt Nam (năm 2014); năng lượng và sử dụng tài nguyên, phòng chống dịch bệnh, cứu trợ cứu nạn (năm 2016)⁽⁷⁾. Nội dung hợp tác trong giai đoạn này khá đa dạng và thực chất của quan hệ quốc phòng - an ninh Việt - Mỹ.

Dưới thời Tổng thống Donald Trump (2017 - 2021)

Là người mở rộng không gian an ninh chiến lược của Mỹ tại phương Đông thông qua chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở” (POIP), Tổng thống D. Trump không chỉ triển khai các hoạt động ngoại giao tích cực để thúc đẩy quan hệ chặt chẽ với các đồng minh và đối tác châu Á mà còn hiện thực hoá mạnh mẽ sự hiện diện quân sự của Mỹ tại khu vực này. Tuy cách tiếp cận của chính quyền D. Trump thiên về chủ nghĩa đơn phương, chủ

ngĩa bảo hộ và có phần sao nhãng quan hệ ngoại giao với tổ chức ASEAN⁽⁸⁾, song đã rất chú trọng phát triển hợp tác quốc phòng - an ninh với các nước Đông Nam Á, đặc biệt là các đối tác có giá trị chiến lược trong việc đáp trả tham vọng quá mức của Trung Quốc tại châu Á - Thái Bình Dương⁽⁹⁾, trong đó, có Việt Nam - “một đối tác chiến lược tiềm năng”⁽¹⁰⁾. Kết quả hợp tác quốc phòng Việt - Mỹ dưới chính quyền D. Trump thể hiện nỗ lực lớn của Hoa Kỳ để duy trì cam kết, phát triển quan hệ đối tác có chiều sâu và bền vững. Thật vậy, ngoài chuyến công du đến Hà Nội của Tổng thống D. Trump (năm 2017), đã có ba chuyến thăm chính thức của Bộ trưởng Quốc phòng (trong các năm 2018, 2019)⁽¹¹⁾ và hai tàu sân bay Hoa Kỳ (tàu Carl Wilson - năm 2018 và tàu Theodore Roosevelt - năm 2020) thăm Việt Nam, đánh dấu sự gia tăng mạnh mẽ trong hợp tác quốc phòng - an ninh Việt - Mỹ.

Dưới thời Tổng thống Joe Biden đương nhiệm (năm 2021 đến nay)

Với việc xác định “Đông Nam Á và ASEAN là “một phần thiết yếu trong kiến trúc Ấn Độ - Thái Bình Dương”, Tổng thống J.Biden đã tham gia Hội nghị thượng đỉnh với ASEAN lần thứ 38, 39 (tháng 10/2021) theo hình thức video, qua đó khẳng định cam kết và thắt chặt mối quan hệ với các đối tác Đông Nam Á. Trên lĩnh vực an ninh, Hoa Kỳ đẩy mạnh các hoạt động hợp tác chiến lược, hướng đến mục tiêu then chốt trên lĩnh vực an ninh hàng hải, bảo vệ tài nguyên biển, đảm bảo an ninh năng lượng, an ninh kinh tế, giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống.

Đối với Việt Nam, ngoài hai hồ sơ nổi bật về thúc đẩy hợp tác kinh tế - thương mại và viện trợ vacxin chống Covid-19, chính quyền J.Biden thúc đẩy mạnh việc giải quyết vấn đề bom mìn và đạt tiến bộ

trong việc tăng cường hiện diện đối ngoại quốc phòng - an ninh thông qua các chuyến thăm của quan chức quốc phòng cấp cao Hoa Kỳ đến Việt Nam. Bên cạnh đó, tăng cường hợp tác đa phương, an ninh kinh tế, an ninh hàng hải tiếp tục được ưu tiên trong hợp tác quốc phòng - an ninh song phương hiện nay.

1.2.2. Trên phương diện hợp tác đa phương

Chuyển biến mới, quan trọng trong hợp tác quốc phòng - an ninh Việt Nam - Hoa Kỳ hai thập niên đầu thế kỷ XXI (đến nay) là sự mở rộng các nội dung hợp tác trên phương diện đa phương. Cùng với vai trò được xác định là đối tác tiềm năng, là “nhân tố mới” và quan trọng trong các chiến lược an ninh của Hoa Kỳ, Việt Nam tham gia ngày càng tích cực và hiệu quả vào các hoạt động hợp tác an ninh đa phương do Hoa Kỳ đề xuất, tổ chức tại khu vực Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương. Trong số các hoạt động này, đáng chú ý là việc Việt Nam từng bước tham gia vào các sáng kiến an ninh đa phương và các cuộc tập trận quân sự đa phương tại khu vực do Hoa Kỳ tổ chức.

Tại không gian Đông Nam Á, Việt Nam đã tham gia Sáng kiến Hạ lưu sông Mekong (LMI), một cơ chế hợp tác an ninh đa phương mà Hoa Kỳ khởi xướng, thiết lập (năm 2009) nhằm thúc đẩy hợp tác an ninh dân sự giữa Hoa Kỳ với các nước tiểu vùng sông Mekong, khẳng định cam kết ủng hộ trật tự khu vực, ủng hộ vai trò trung tâm của ASEAN và tăng cường mở rộng ảnh hưởng của Hoa Kỳ tại Đông Nam Á lục địa. Việt Nam cũng là thành viên của Sáng kiến An ninh hàng hải Đông Nam Á (MSI)⁽¹²⁾ được Mỹ xây dựng từ 2015 nhằm nâng cao nhận thức và năng lực an ninh hàng hải (Maritime Domain Awareness - MDA) cho các nước trong khu

vực, hướng tới thiết lập bức tranh phối hợp hoạt động chung (Common Operating Picture - COP) với quân đội Mỹ ở Biển Đông. Trong khuôn khổ sáng kiến này, Hoa Kỳ đã cung cấp viện trợ an ninh và chuyển giao cho Việt Nam hai tàu tuần tra (CSB 8020 và CSB 8021) nhằm hỗ trợ cảnh sát biển Việt Nam nâng cao năng lực đảm bảo an ninh hàng hải⁽¹³⁾.

Thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, trong bối cảnh Trung Quốc quyết liệt thực hiện tham vọng địa chính trị, Hoa Kỳ đã triển khai hàng loạt các cơ chế hợp tác an ninh đa phương đa dạng nhằm đảm bảo ưu thế, vị thế dẫn dắt luật chơi và quyền kiểm soát của mình đối với an toàn tự do hàng hải Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Đây cũng là giai đoạn Việt Nam và Hoa Kỳ tăng cường triển khai phương thức hợp tác mới trong quan hệ quốc phòng - an ninh, vượt ra khuôn khổ song phương.

Từ chỗ chỉ cử đại diện quan sát các diễn tập quân sự giữa Mỹ và các đồng minh, đối tác của Mỹ trong tập trận Hổ mang Vàng (năm 2007), tập trận RIMPAC các năm 2012, 2016⁽¹⁴⁾, từ giữa thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, Việt Nam đã chính thức tham gia các tập trận an ninh và quân sự đa phương quan trọng do Hoa Kỳ tổ chức. Năm 2017, Việt Nam tham gia “Tập trận Hợp tác và Huấn luyện Đông Nam Á” (Southeast Asia Cooperation and Training Exercise - SEACAT)⁽¹⁵⁾ lần thứ 16 và chính thức trở thành thành viên của tập trận hàng hải đa phương lớn nhất Đông Nam Á này. Đáng chú ý, năm 2018 đánh dấu lần đầu tiên Việt Nam chính thức tham gia tập trận hải quân lớn nhất thế giới Vành đai Thái Bình Dương (RIMPAC) do Hoa Kỳ chủ trì. Tháng 9/2019, Việt Nam tiếp tục là thành viên tham gia cuộc diễn tập hàng hải đầu tiên giữa Hoa Kỳ với 10 nước ASEAN (ASEAN - U.S. Maritime Exercise,

gọi tắt là AUMX). Đây là lần đầu tiên hải quân Hoa Kỳ và hải quân 10 nước ASEAN tổ chức một cuộc tập trận quân sự chung trên biển nhằm “nâng cao các kỹ năng có thể áp dụng cho an ninh hàng hải trên khắp các vùng biển quốc tế”⁽¹⁶⁾. Năm 2020, Việt Nam tham gia “Nhóm liên lạc quan sát hỗn hợp” trong tập trận quân sự đa phương thức thường niên lớn nhất châu Á - Thái Bình Dương, tập trận Hổ mang Vàng, do Mỹ tài trợ và đồng chủ trì tổ chức (cùng Thái Lan). Việt Nam cũng cùng Hoa Kỳ và các nước ASEAN tăng cường hợp tác chặt chẽ trong cơ chế 3 bên Hoa Kỳ - ASEAN - Việt Nam về các vấn đề an ninh phi truyền thống⁽¹⁷⁾. Ngoài ra, Việt Nam ủng hộ và tham gia các sáng kiến an ninh do Hoa Kỳ triển khai tại không gian Đông Bắc Á. Tiêu biểu là tháng 5/2014, Phó Thủ tướng Phạm Bình Minh thông báo cho Bộ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ John Kerry về việc Việt Nam ủng hộ và tham gia Sáng kiến An ninh Chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt (Proliferation Security Initiative - PSI) mà Hoa Kỳ đang tích cực triển khai tại không gian này. Động thái này cho thấy sự chủ động và mức độ hội nhập hợp tác an ninh của Việt Nam gia tăng đáng kể.

Có thể thấy, hợp tác an ninh đa phương là bước tiến mới, là kết quả đáng ghi nhận trong quan hệ quốc phòng - an ninh Việt Nam - Hoa Kỳ hai thập niên đầu thế kỷ XXI. Đây là nội dung hợp tác còn nhiều tiềm năng phát triển và cần được hai nước thúc đẩy vì không chỉ góp phần bảo vệ lợi ích của mỗi nước mà còn vì an ninh, thịnh vượng lâu dài của khu vực.

2. Những động lực và triển vọng hợp tác Việt Nam - Hoa Kỳ trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh thời gian tới

2.1. Những động lực hợp tác

Có nhiều yếu tố/động lực thúc đẩy Việt Nam và Hoa Kỳ tăng cường hợp tác quốc phòng - an ninh từ đầu thế kỷ XXI đến nay. Trong đó, chuyển biến phức tạp, khó lường của môi trường an ninh quốc tế và khu vực; tác động sâu sắc, đa chiều từ tham vọng địa chính trị của Trung Quốc là những động lực ngoại sinh chính. Những động lực nội sinh có tính quyết định, xuất phát từ lợi ích và mục tiêu quốc phòng, an ninh chiến lược của Hoa Kỳ và Việt Nam dựa trên sự thăng tiến về kết quả hợp tác trên thực tiễn mà hai nước đã đạt được. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi đề cập một số động lực căn bản. Điều này không có nghĩa các nhân tố khác kém quan trọng. Trên thực tế, chúng có tác động chặt chẽ và tích hợp, tạo nên nguồn lực mạnh mẽ, thúc đẩy quan hệ quốc phòng - an ninh Việt Nam - Hoa Kỳ chuyển biến căn bản.

2.1.1. Môi trường an ninh ở Đông Nam Á

Bên cạnh thực trạng an ninh đang hiện diện nhiều mối đe dọa và biến động vô cùng phức tạp, khó lường do các vấn đề an ninh nội địa chỉ được kiểm soát ở mức tương đối và có thể bùng phát, Đông Nam Á còn chịu tác động sâu sắc, mạnh mẽ từ các nhân tố ngoài khu vực. Trong đó, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, nhất là tham vọng địa chính trị của Trung Quốc, có tác động sâu, rộng. Đối với Hoa Kỳ (và hầu hết các nước trong khu vực), sự phát triển mạnh mẽ với tư cách là siêu cường mới của Trung Quốc, nhất là những hành động quyết đoán của nước này trong việc dùng ảnh hưởng của họ ở khu vực không chỉ mang đến cơ hội mà cả thách thức đối với các quốc gia láng giềng và môi trường an ninh khu vực.. Vượt trên tất cả các mối đe dọa an ninh khác, tham vọng và hành động quyết đoán của Trung Quốc trở thành

chất xúc tác cực mạnh, là “thách thức địa chính trị lớn nhất”⁽¹⁸⁾ khiến Hoa Kỳ chú trọng hơn đến Đông Nam Á, nơi chứa đựng lợi ích chiến lược của Hoa Kỳ. Bối cảnh này là động lực sâu xa thúc đẩy Việt Nam và Hoa Kỳ xúc tiến hợp tác quốc phòng - an ninh ngày càng thực tế.

2.1.2. Nhân tố Việt Nam trong chiến lược an ninh của Hoa Kỳ đối với châu Á - Thái Bình Dương đầu thế kỷ XXI

Đáp ứng kịp thời những chuyển biến mới, phức tạp trước môi trường an ninh ở châu Á - Thái Bình Dương, Hoa Kỳ đã nhanh chóng thiết kế và điều chỉnh trọng tâm chiến lược an ninh hướng về khu vực Đông Nam Á. Là quốc gia có vị trí địa chiến lược quan trọng tại Đông Nam Á và toàn khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, tốc độ tăng trưởng kinh tế tốt, có tiềm lực quốc phòng hùng mạnh, ngày càng được hiện đại hoá và đang có quan hệ quốc tế sâu sắc với hầu hết các cường quốc, đồng thời chia sẻ nhiều mối quan tâm an ninh chung với Hoa Kỳ, Việt Nam ngày càng chiếm vị trí quan trọng đặc biệt trong các chiến lược an ninh của cường quốc này. Do vậy, trong Chiến lược An ninh quốc gia công bố tháng 12/2017, bên cạnh các đồng minh truyền thống, chính quyền D. Trump đã xác định Việt Nam (cùng với 3 quốc gia: Indonesia, Malaysia và Singapore) là đối tác an ninh quan trọng của Mỹ tại Đông Nam Á⁽¹⁹⁾. Đặc biệt, tháng 03/2020, cùng với Hàn Quốc và New Zealand, Việt Nam là đại diện Đông Nam Á duy nhất được Hoa Kỳ mời tham gia hội nghị “Bộ tứ” mở rộng (QUAD Plus) - một cơ chế hợp tác quy tụ các đối tác quan trọng nhất của Mỹ tại Đông Á - nhằm giải quyết hậu quả đại dịch Covid-19, đảm bảo an ninh kinh tế và tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu. Điều này vừa khẳng định giá trị nội lực, vị thế quốc gia và tiềm lực an ninh quốc phòng của

Việt Nam, cũng như nhu cầu và động lực hợp tác từ Hoa Kỳ, cường quốc vốn luôn chú trọng hiệu quả hợp tác thực tế.

Những động lực nói trên trở thành lực đẩy mạnh mẽ để Hoa Kỳ và Việt Nam hiểu biết, chia sẻ nhu cầu hợp tác lẫn nhau; trân trọng thành quả hợp tác đã đạt được; tiếp tục theo đuổi cam kết chính trị - ngoại giao và xác định được giá trị, vị trí của nhau trong chiến lược đối ngoại quốc phòng - an ninh của mỗi nước. Đó cũng chính là nền tảng để quan hệ song phương Việt - Mỹ phát triển vững bền, thực chất trong tương lai.

2.2. Triển vọng quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh thời gian tới

Quan hệ song phương Việt Nam - Hoa Kỳ nói chung và quan hệ hai nước về quốc phòng - an ninh nói riêng được giới quan sát đánh giá sẽ có chuyển biến tích cực. Biểu hiện triển vọng được nhìn thấy rất rõ từ lúc Tổng thống Joe Biden bắt đầu nhiệm kỳ (từ tháng 1/2021 đến nay). Năm trong chuỗi mục tiêu bảo vệ các lợi ích chiến lược của Hoa Kỳ tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, chính quyền J. Biden tiếp tục khẳng định cam kết phát triển quan hệ lâu dài với Việt Nam. Cùng với Singapore, Việt Nam là một trong hai quốc gia Đông Nam Á được chính quyền J. Biden nêu tên trong bản “Hướng dẫn Chiến lược An ninh quốc gia tạm thời” (tháng 3/2021)⁽²⁰⁾, khẳng định đây là các đối tác mà Hoa Kỳ muốn hợp tác sâu rộng như một phần trong chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở. Cùng với chuyến thăm viếng cấp cao của lãnh đạo hai nước⁽²¹⁾, quan chức quốc phòng - an ninh các cấp Mỹ và Việt Nam đã trao đổi các cuộc hội đàm quan trọng và có nhiều hoạt động xúc tiến hợp tác trên lĩnh vực quân sự, an ninh. Tiêu biểu nhất

là chuyến thăm của Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ - Lloyd Austin - đến Việt Nam trong các ngày 28 và 29/07/2021. Theo đó, Mỹ cam kết cung cấp các tàu tuần duyên cho Việt Nam và về khả năng một hàng không mẫu hạm thứ ba của Hoa Kỳ đến thăm Việt Nam. Bộ trưởng quốc phòng hai nước cùng ký biên bản ghi nhớ về việc Hoa Kỳ sẽ giúp Việt Nam trong giải quyết di sản chiến tranh, gồm: xác định vị trí, nhận dạng và thu tập thi hài của binh sĩ Việt Nam thiệt mạng trong chiến tranh (và bị xem là mất tích)⁽²²⁾.

Với thực tế diễn biến trên cùng với ưu tiên chiến lược đang được hai nước xúc tiến, hợp tác quốc phòng - an ninh Việt Nam - Hoa Kỳ có nhiều triển vọng thăng tiến trong tương lai, bất chấp một số khác biệt chưa thể giải quyết một sớm một chiều về chính trị và thương mại (nhất là hai vấn đề: nhân quyền và thâm hụt thương mại lớn của Mỹ). Theo đó, Việt Nam có nhiều khả năng sẽ tham gia nhiều hơn, sâu hơn vào các sáng kiến hợp tác an ninh hàng hải liên quan mật thiết các quan ngại an ninh chung do Hoa Kỳ và các đồng minh, đối tác của Hoa Kỳ tổ chức tại khu vực, trước hết là Hiệp định Đối tác Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương về nhận thức trong lĩnh vực hàng hải (The Indo-Pacific Partnership for Maritime Domain Awareness - IPMDA). Đào tạo nhân sự, hiện đại hoá trang thiết bị quốc phòng - an ninh và an ninh phi truyền thống cũng sẽ là các lĩnh vực Việt Nam và Hoa Kỳ ưu tiên hợp tác trong thời gian tới, như nội dung Chiến lược An ninh quốc gia của chính quyền J. Biden hướng đến⁽²³⁾.

Kết luận

Những phân tích trên phản ánh sự vận động tích cực của quan hệ quốc phòng - an ninh Việt Nam - Hoa Kỳ từ đầu thế kỷ XXI

đến nay. Trong đó, bên cạnh những hoạt động hợp tác song phương, đáng chú ý là sự tham gia của Việt Nam trong các cơ chế hợp tác an ninh đa phương do Hoa Kỳ khởi xướng và tổ chức tại Đông Nam Á và Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Đây là nội dung hợp tác mới, đang được Hoa Kỳ ưu tiên thúc đẩy, cho thấy quan hệ song phương Việt - Mỹ ngày càng được mở rộng và thực tế, mang lại tác động tích cực rõ ràng đối với hai nước trong việc hiện thực hoá các mục tiêu chiến lược của mỗi bên. Đối với Việt Nam, là một đối tác có mối quan hệ đặc thù lịch sử với Hoa Kỳ, việc tăng cường hợp tác quốc phòng - an ninh, nhất là tham gia các cơ chế hợp tác đa biên cùng Hoa Kỳ tại Đông Á có ý nghĩa rất lớn. Đây là bước đi thiết thực để nâng tầm mối quan hệ song phương, giúp Việt Nam nhanh chóng hội nhập với môi trường hợp tác an ninh khu vực và quốc tế. Thông qua quá trình hợp tác này, hai nước tiếp tục xây dựng, củng cố lòng tin chiến lược và ủng hộ vai trò quốc tế của nhau.

Tóm lại, hợp tác quốc phòng - an ninh giữa Việt Nam và Hoa Kỳ trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI vừa phản ánh xu hướng phát triển của mối quan hệ song phương nói chung, quốc phòng - an ninh nói riêng của mỗi nước trước chuyển biến phức tạp, khó lường của tình hình an ninh thế giới và khu vực./.

CHÚ THÍCH

1. Trả lời thông điệp của Việt Nam về đề nghị duy trì quan hệ với Hoa Kỳ trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau và không thù địch, năm 1976, chính quyền Tổng thống Gerald Ford đã thông báo “sẵn sàng nghe bất cứ gợi ý nào từ Việt Nam”. Trên cơ sở đó, cuộc tiếp xúc đầu tiên giữa đại diện hai nước đã diễn ra ngày 10-7-1976 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Paris. Vấn đề MIA được Hoa Kỳ đưa ra nhưng khẳng định không viện trợ 3.125 tỷ USD theo điều 21 của Hiệp định Paris 1973. Do đó, quan hệ hai nước chưa tiến triển. Sau khi lên cầm quyền (1977), chính quyền J.Cater đã điều chỉnh chính sách theo hướng tích cực đối với Việt Nam: ủng hộ Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc, bắt đầu buôn bán với Việt Nam, đề nghị hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao đầy đủ và vô điều kiện, tuy nhiên vẫn chưa giải quyết vấn đề “hàn gắn vết thương chiến tranh” liên quan đến quan hệ quốc phòng - an ninh song phương. Xem thêm: Vũ Dương Ninh (2014), *Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam 1940-2010*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.272-273.
2. Bùi Thị Thảo (2014), “Bước chuyển biến mới trong quan hệ an ninh - quốc phòng giữa Hoa Kỳ và Việt Nam thập niên đầu thế kỷ XXI và tác động của chúng đối với Đông Nam Á”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 2 (167).tr.3- 4.
3. Những năm 1989 - 1994 là giai đoạn Việt Nam và Hoa Kỳ tìm kiếm giải pháp chấm dứt xung đột, hoà giải để đi đến cải thiện quan hệ song phương. Việt Nam chủ động và thiện chí trong giải quyết vấn đề Campuchia, Hoa Kỳ dè dặt và thận trọng đưa ra Lộ trình bình thường hoá quan hệ với Việt Nam (Roadmap, 4/1991).
4. Tuyên bố nhấn mạnh: “...bất kỳ sự cải thiện nào trong quan hệ giữa Hoa Kỳ và Việt Nam đều dựa vào tiến bộ đạt được về vấn đề người Mỹ bị mất tích trong khi làm nhiệm vụ hay bị bắt làm tù binh”..Xem thêm: *Tuyên bố bình thường hoá quan hệ với Việt Nam của Tổng thống Bill Clinton (11-7-1995)*, <http://www.presidency.ucsb.edu>, truy cập ngày 30/1/2023.
5. Sau khi xúc tiến lập Đại sứ quán tại thủ đô mỗi nước (tại Hoa Kỳ ngày 5/8/1995; tại Việt Nam ngày 6/8/1995), Mỹ cử Tuỳ viên quốc phòng sang Việt Nam từ tháng 12/1995; Việt Nam cử Tuỳ viên quốc phòng sang Mỹ từ tháng 2/1997.
6. Vũ Văn Khanh (2010), “Hiện trạng và triển vọng hợp tác quốc phòng Việt - Mỹ”, *Kỷ yếu Hội thảo Quan hệ Mỹ - Việt Nam hiện đại*, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, tr.155.
7. Trần Kim Chi (2017), “Hợp tác giữa Việt Nam - ASEAN - Hoa Kỳ trên lĩnh vực an ninh phi truyền thống trong bối cảnh mới”. *Tạp chí Cộng sản*, số 132, tr. 87 - 91.
8. Trong khi có sự bất ổn định trong quan hệ với một số nước như Philippines, Campuchia, Thái Lan, Hoa Kỳ vẫn duy trì và phát triển mối quan hệ với Việt Nam, Singapore và Indonesia. Xem thêm: Cù Chí Lợi (2022), “Xu hướng trong quan hệ của Mỹ với Đông Nam Á dưới thời Tổng thống Joe Biden”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông*

- Nam Á*, số 1, tr.30.
9. Cù Chí Lợi (2022), *Tlđđ*, tr.30.
 10. Điều này được khẳng định chính thức trong các văn kiện quan trọng của chính quyền Tổng thống D. Trump như Chiến lược an ninh Quốc gia Hoa Kỳ (National Security Strategy) năm 2017 và năm 2018 và trong báo cáo Ấn Độ - Thái Bình Dương năm 2019.
 11. Đó là hai chuyến thăm Việt Nam trong cùng một năm của Bộ trưởng Quốc phòng Jim Mattis (tháng 1/2018 và tháng 10/2018) và chuyến thăm của Bộ trưởng Quốc phòng Mark T. Esper vào tháng 11/2019.
 12. MSI còn có tên gọi khác là “Sáng kiến Biển Đông”, được Hoa Kỳ vận dụng cho các nước ven Biển Đông gồm: Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan và Việt Nam. Xem thêm: Bùi Thị Thảo (2022), *Hợp tác an ninh đa phương của Hoa Kỳ tại Đông Á trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI*. Đề tài KHCN cấp Đại học Huế, tr. 51-52.
 13. Ngày 25/5/2017, tuần duyên Mỹ chính thức chuyển giao tàu tuần tra USCGC Morgenthau cho Cảnh sát biển Việt Nam. Việc chuyển giao tàu và các hoạt động hỗ trợ liên quan có tổng giá trị khoảng 24 triệu đôla. Ngày 14/8/2020, tuần duyên Mỹ tiếp tục chuyển giao tàu John Midgett cho Việt Nam, có tổng giá trị chuyển giao hơn 27 triệu đôla. Sau chuyển giao, các tàu này được đổi tên, lần lượt là các tàu: CSB 8020 và CSB 8021. Trong cuộc gặp gỡ báo giới đầu nhiệm kỳ công tác tại Việt Nam ngày 20-4-2022, Đại sứ Mỹ tại Việt Nam, Marc Knapper, cho biết Mỹ sẵn sàng chuyển giao tàu tuần tra thứ 3 cho Việt Nam để khẳng định cam kết hỗ trợ Việt Nam tăng cường năng lực hàng hải. Xem thêm: Dương Ngọc (2022). “Mỹ sẵn sàng chuyển giao tàu tuần duyên thứ 3 cho Việt Nam”, <https://nld.com.vn/chinh-tri/my-da-san-sang-de-chuyen-giao-tau-tuan-duyen-thu-3-cho-viet-nam-20220420164336481.htm>, truy cập ngày 11/7/2022.
 14. Ngày 26/6/2007, Phó Đô đốc, Tư lệnh quân chủng Hải quân Việt Nam Nguyễn Văn Hiến đã nhận được lời mời từ Hoa Kỳ về việc cử quan sát viên dự tập trận Hổ mang Vàng và đề nghị Việt Nam tham dự diễn tập quân sự chung. Xem thêm: Bùi Thị Thảo (2014). “Bước chuyển biến mới trong quan hệ quốc phòng - an ninh giữa Hoa Kỳ và Việt Nam”, *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 2, tr.5. Việt Nam cũng cử quan sát viên tập trận RIMPAC các năm 2012, 2016.
 15. SEACAT là cuộc tập trận hàng hải đa phương thường niên duy nhất của Hải quân và Lực lượng bảo vệ bờ biển Hoa Kỳ với 8 quốc gia Đông Nam Á (Thái Lan, Philippines, Indonesia, Singapore, Malaysia, Brunei, Campuchia, Việt Nam) và 2 quốc gia Nam Á (Bangladesh và Sri Lanka). Tập trận này được bắt đầu từ năm 2002 với tên gọi “Hợp tác Đông Nam Á chống khủng bố” (Southeast Asia Cooperation Against Terrorism - SACAT), tổ chức đầu tiên tại Singapore do lực lượng Hải quân Hoa Kỳ dẫn đầu. Ban đầu, SACAT gồm hải quân Hoa Kỳ và hải quân 6 nước Đông Nam Á là Thái Lan, Singapore, Brunei, Indonesia, Malaysia, Philippines. Năm 2012, cuộc tập trận này được đổi tên thành “Tập trận Hợp tác và Huấn luyện Đông Nam Á” (Southeast Asia Cooperation and Training Exercise - SEACAT) để tăng cường nội dung huấn luyện giữa hải quân Hoa Kỳ với các đối tác, đồng thời mở rộng phạm vi đào tạo ra đời với lực lượng bảo vệ bờ biển. Mục tiêu của tập trận SEACAT là nhằm nâng cao nhận thức về lĩnh vực hàng hải (Maritime Domain Awareness - MDA) trong các hoạt động an ninh như chống khủng bố, buôn lậu, vi phạm bản quyền, đánh bắt cá trái phép..
 16. Reyes, Dempsey (2019), “ASEAN Drills to Enhance Interoperability - U.S”, <https://www.manilatimes.net/2019/09/05/news/national/asean-drills-to-enhance-interoperability-us/611396/>, 05/9/2019, truy cập ngày 12/10/2020.
 17. Trần Kim Chi (2017), “Hợp tác giữa Việt Nam - ASEAN - Hoa Kỳ trên lĩnh vực an ninh phi truyền thống trong bối cảnh mới”, *Tạp chí Cộng sản*, số 132.
 18. Trong Chiến lược an ninh Quốc gia năm 2017, chính quyền D. Trump đã nhận định về mục tiêu của Trung Quốc rất rõ: “Trung Quốc đã tiến hành một chiến dịch hiện đại hóa quân sự nhanh chóng được thiết kế để hạn chế sự tiếp cận của Hoa Kỳ với khu vực và cung cấp cho Trung Quốc một bàn tay tự do hơn ở đó” [National Security Strategy of the United States of America, December 2017, p.46.
 19. “National Security Strategy of the United States of America”, December 2017, tr.46. Tham khảo bản trực tuyến tại: <https://trumpwhitehouse.archives.gov/wp-content/uploads/2017/12/NSS-Final-12-18-2017-0905.pdf>, truy cập ngày 30/1/2023.
 20. Interim National Security Strategic Guidance. March 2021 (Hướng dẫn Chiến lược An ninh quốc gia tạm thời), <https://www.whitehouse.gov/wp-content/uploads/2021/03/NSC-1v2.pdf>, tr.10, truy cập ngày 30/1/2023.
 21. Trong chuyến công du đầu tiên đến Đông Nam Á cuối tháng 8/2021, Phó Tổng thống Mỹ

- Kamala Harris đã thăm chính thức Việt Nam. Ngoài ra, bên lề các cuộc họp thượng đỉnh ASEAN lần thứ 38, 39 tổ chức tháng 10-2021 với các đối tác lớn, Tổng thống J.Biden đã cùng hội kiến, trao đổi thân mật với Thủ tướng Việt Nam Phạm Minh Chính.
22. Thanh Phương (2021), “Bộ trưởng Quốc Phòng Mỹ thăm Việt Nam, trọng tâm là hợp tác quân sự và an ninh”, <https://www.rfi.fr/vi/vietnam/20210728-bộ-trưởng-quốc-phòng-mỹ-thăm-việt-nam> tr%E1%BB%8Dng-tâm-là-hợp-tác-quân-sự-và-an-ninh, truy cập ngày 15-7-2022.
 23. Phần III và IV của National Security Strategy, October 12, 2022, <https://www.whitehouse.gov/wp-content/uploads/2022/10/Biden-Harris-Administrations-National-Security-Strategy-10.2022.pdf>, truy cập ngày 15-10-2022.
 8. National Security Strategy of the United States of America. December 2017, tr.46, <https://trumpwhitehouse.archives.gov/wp-content/uploads/2017/12/NSS-Final-12-18-2017-0905.pdf>, truy cập ngày 30/1/2023.
 9. National Security Strategy, October 12, 2022, <https://www.whitehouse.gov/wp-content/uploads/2022/10/Biden-Harris-Administrations-National-Security-Strategy-10.2022.pdf>, truy cập ngày 15/10/2022.
 10. Vũ Dương Ninh (2014), *Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam 1940-2010*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
 11. Thanh Phương (2021), “Bộ trưởng Quốc Phòng Mỹ thăm Việt Nam, trọng tâm là hợp tác quân sự và an ninh”, <https://www.rfi.fr/vi/vietnam/20210728-bộ-trưởng-quốc-phòng-mỹ-thăm-việt-nam> tr%E1%BB%8Dng-tâm-là-hợp-tác-quân-sự-và-an-ninh, Truy cập ngày 15/7/2022.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Breckon, Lycell (2002), “Quan hệ Trung Quốc - Đông Nam Á: Bắc Kinh thúc đẩy chính sách “châu Á của người châu Á”. *Comparative Connections*. Vol 4, N.3.
2. Trần Kim Chi (2017), “Hợp tác giữa Việt Nam - ASEAN - Hoa Kỳ trên lĩnh vực an ninh phi truyền thống trong bối cảnh mới”, *Tạp chí Cộng sản*, số 132.
3. Nguyễn Ngọc Dung (2016), “Quan hệ Việt - Mỹ: từ bình thường hóa đến đối tác toàn diện - một cách nhìn”, *Tạp chí Phát triển KH & CN*. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Tập 19, số X4, tr. 59-66.
4. Trường Giang (2022), “Việt Nam kiên định chính sách quốc phòng “bốn không” trong quan hệ quốc tế”, <https://vov.vn/chinh-tri/viet-nam-kien-dinh-chinh-sach-quoc-phong-bon-khong-trong-quan-he-quoc-te-post932179.vov>, Truy cập 25/3/2022.
5. “Interim National Security Strategic Guidance. March 2021”, <https://www.whitehouse.gov/wp-content/uploads/2021/03/NSC-1v2.pdf>, truy cập ngày 30/1/2023.
6. Vũ Văn Khanh (2010). *Hiện trạng và triển vọng hợp tác quốc phòng Việt - Mỹ, Kỳ yếu Hội thảo Quan hệ Mỹ - Việt Nam hiện đại*. Hà Nội: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, tr.155.
7. Cù Chí Lợi (2022), “Xu hướng trong quan hệ của Mỹ với Đông Nam Á dưới thời Tổng thống Joe Biden”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 1(262), tr.25-35.
8. Ravi Buddhavarapu (2022), “The Quad’s new maritime initiative has potential to spur militarization of the Indo-Pacific”, https://www-cnbc-com.translate.goog/2022/06/09/quads-maritime-initiative-could-spur-militarization-of-indo-pacific.html?_x_tr_sl=en&_x_tr_tl=vi&_x_tr_hl=vi&_x_tr_pto=sc, truy cập ngày 15/10/2022.
13. Reyes, Dempsey (2019). “ASEAN Drills to Enhance Interoperability - U.S”. Từ <https://www.manilatimes.net/2019/09/05/news/national/asean-drills-to-enhance-interoperability-us/611396/>, 05/9/2019, truy cập ngày 12/10/2020.
14. Richard, J.Ellings & Sheldon, W.Simon (Đồng chủ biên)(1996), *An ninh Đông Nam Á trong thiên niên kỷ mới*. Nxb. M.E.Sharpe. (Bản dịch của Viện Nghiên cứu châu Mỹ và Viện Chiến lược và Khoa học công an, Hà Nội. 2004).
15. Shruti Pandalai & Abhay Kumar Singh (2022), “Quad’s Maritime Domain Awareness Initiative Needs Time to Deliver” https://www-idsa-in.translate.goog/idsacomments/Quads-Maritime-Domain-Awareness-Initiative-Needs-Time-to-Deliver?_x_tr_sl=en&_x_tr_tl=vi&_x_tr_hl=vi&_x_tr_pto=sc, truy cập ngày 7/10/2022.
16. Bùi Thị Thảo (2014), “Bước chuyển biến mới trong quan hệ an ninh - quốc phòng giữa Hoa Kỳ và Việt Nam thập niên đầu thế kỷ XXI và tác động của chúng đối với Đông Nam Á”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 2 (167).tr.3- 4.
17. Bùi Thị Thảo (2022), “Hợp tác an ninh đa phương của Hoa Kỳ tại Đông Á trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI”, *Báo cáo tổng kết Đề tài KHCN cấp Đại học Huế*, Đại học Huế.